

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 179/2022/DS-PT

Ngày: 23/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Chấn

Ông Phạm Tấn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Xuân Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2022/QĐPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phước H., sinh năm 1961; nơi cư trú: Số 116/3A đường Bùi Văn Danh, phường M., thành phố X., tỉnh An Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Phước H.: Ông Trần Tiến V. là Luật sư Văn phòng luật sư Tiến V. thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy B., sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 1/5^B đường Hà Hoàng Hổ, khóm A.1, phường M., thành phố X., tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh A., sinh năm 1985; nơi cư trú: số 1/5^B đường Hà Hoàng Hổ, khóm A. 1, phường M., thành phố X., tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3.2. Ông Mạch Thanh T., sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp A.2, xã H., huyện Th., tỉnh An Giang (Vắng mặt);

3.3. Bà Lê Thị Gi., sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp A.2, xã H., huyện Th., tỉnh An Giang (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mạch Thanh T. và bà Lê Thị Gi.:

- Ông Hứa Hoàng Ch., sinh năm 1956. nơi cư trú: Số 16^D đường Tôn Đức Thắng, phường B., thành phố X., tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 26/4/2019 do Văn phòng Công chứng Q. chứng nhận số công chứng 323, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD) (Vắng mặt)

- Ông Võ Đức T1., sinh năm 1977. nơi cư trú: Số 114 Lô 10C/c Đ., Phường 27, Quận Th., thành phố Hồ Chí Minh (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 30/7/2019 do Văn phòng Công chứng Q. chứng nhận số công chứng 656, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD) (Vắng mặt).

3.4. Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần E.; Địa chỉ trụ sở: Tầng 8-Vincom Center, 72 đường T. và 47 đường Tr., phường N., quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q. - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn A3. - Giám đốc Ngân hàng TMCP E. - Chi nhánh An Giang (Theo Giấy ủy quyền số 256/2018/EIB/UQ-TGD, ngày 28/12/2018 của Ngân hàng TMCP E.; Địa chỉ liên hệ: Số 46 đường Hai Bà Trưng, phường L., thành phố X., tỉnh An Giang (Có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Phước H..

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Phước H. trình bày:*

Ông khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Huy B. có trách nhiệm trả số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận ông B. đã vay và trong quá trình giải quyết ông có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với tài sản là quyền sử dụng đất mang tên của ông Nguyễn Huy B. và bà Huỳnh A.

Ngày 16/3/2017, Tòa án ban hành quyết định số 06/2017/QĐ-BPBD buộc ông thực hiện biện pháp bảo đảm gửi số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng và Tòa án đã ban hành Quyết định số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Nay, ông yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Huy B. có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/3/2016 cho đến ngày xét xử.

- Tiếp tục duy trì Quyết định số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

** Bị đơn ông Nguyễn Huy B.: Vắng mặt không có ý kiến trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mạch Thanh T., bà Lê Thị Gi. trình bày:*

Ông bà có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Huy B., bà Huỳnh A. thông qua người đại diện theo ủy quyền là Giám đốc Ngân hàng TMCP E.-Chi nhánh An Giang, thủ tục chuyển nhượng hợp lệ và hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án theo yêu cầu của ông H. thì ngày 16/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố X. ra Quyết định số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 để phong tỏa tài sản: Diện tích đất 48 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04788mA ngày 13/6/2008 và diện tích đất 210 m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04827mA ngày 01/7/2008. Các thửa đất đều mang tên của ông Nguyễn Huy B., bà Huỳnh A. đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP E.-Chi nhánh An Giang nhằm đảm bảo khoản tiền tiền vay nhưng ông B., bà Huỳnh A. không trả nợ và ủy quyền cho ngân hàng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng được công chứng và chuyển sang Văn phòng đăng ký đất để sang tên và đến ngày 16/3/2017 nhận kết quả thì tài sản bị ngăn chặn, tạm ngừng việc sang tên và trả hồ sơ cho ông bà. Đối với hồ sơ của ông T., bà Gi. căn cứ theo Điều 188 của Luật đất đai năm 2014 thì hồ sơ của ông bà đã thực hiện xong việc đăng ký vào sổ địa chính nên yêu cầu Tòa án thu hồi quyết định phong tỏa tài sản để ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Ông Võ Đức T1. là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mạch Thanh T., bà Lê Thị Gi. có ý kiến trình bày tại phiên tòa thể hiện nội dung:*

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T., bà Gi. với Ngân hàng Thương mại cổ phần E. giữa các bên không có tranh chấp, các bên đã thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đã ký kết, ông T., bà Gi. đã trả tiền cho Ngân hàng, còn Ngân hàng cũng bàn giao tài sản kể từ khi ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông T., bà Gi. quản lý, sử dụng cho đến nay. Ông có đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Huy B. trong biên nhận nợ vay để làm rõ số tiền vay có đúng giữa ông H. và ông B. có vay không vì tên người cho vay là Út Hoàng không cụ thể có đúng là của ông Nguyễn Phước H., người cho vay cũng không có ký tên trong biên nhận vay tiền, đối với yêu cầu giám định thì do Hội đồng xét xử xem xét trường hợp không chấp nhận giám định thì ông không có ý kiến.

Ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn tiếp tục duy trì đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 do quyết định ngăn chặn của Tòa án dẫn đến ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T., bà Gi. không thể thực hiện được việc sang tên đối với quyền sử dụng đất hợp pháp do ông Mạch Thanh T., bà Lê Thị Gi. nhận chuyển nhượng hợp pháp từ Ngân hàng. Tài sản được ông Nguyễn Huy B., bà Huỳnh A. ủy quyền để ngân hàng ký kết hợp đồng chuyển nhượng, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của ông H. đối với tài sản là của vợ chồng ông B., bà Huỳnh A. trong khi nguyên đơn chỉ yêu cầu ông B. có trách

nhiệm trả nợ cho ông H. như vậy việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cả 50% tài sản của bà Huỳnh A. là không phù hợp. Tuy nhiên, để đảm bảo vụ án được giải quyết nhanh chóng nên trong vụ án này ông T., bà Gi. không có yêu cầu độc lập, đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại khi thu thập đầy đủ chứng cứ thì ông T., bà Gi. sẽ khởi kiện bằng vụ án khác không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn A3. là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP E. có ý kiến:*

- Ông Nguyễn Huy B., bà Huỳnh A. ký hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2014/EIB-AG/TDDN/TCTS.01 ngày 16/7/2014 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 87/2014/EIB-AG/TDDN/TCTS.01/2017/02 ngày 13/12/2016. Hợp đồng tín dụng số 1502LAV201402147 ngày 16/7/2014 và Phụ lục HĐTD. Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm số 3379 ngày 16/7/2017

- Hợp đồng ủy quyền cho ngân hàng bán tài sản có công chứng số 597 ngày 13/12/2016 của ông B., bà Huỳnh A. tại Văn phòng Công chứng số 01. Ngày 13/3/2017, ngân hàng đã ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản cho ông T. 03 quyền sử dụng đất trong đó có 02 quyền sử dụng đất bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để thu hồi khoản nợ. Giá trị chuyển nhượng là 4.350.000.000 đồng sau khi nộp các khoản thuế, phí theo quy định của nhà nước và thủ tục sang tên cho bên mua tài sản và ngân hàng thu hồi số tiền 4.350.000.000 đồng

- Mục đích của ngân hàng xóa thế chấp đối với tài sản thế chấp của ông B., bà Huỳnh A. để thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T., bà Gi..

- Ngân hàng TMCP E. yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05 ngày 16/3/2017 lý do việc Ngân hàng TMCP E. - Chi nhánh An Giang xử lý tài sản đảm bảo do ông Huy B. và bà Huỳnh A. tự nguyện thế chấp để bảo lãnh khoản vay cho Công ty G.L. ngày 16/7/2014 để thu hồi nợ là hoàn toàn phù hợp thứ tự ưu tiên thanh toán. Giải tỏa toàn bộ tài sản đã ngăn chặn để có thể tiếp tục thực hiện hoàn tất quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Mạch Thanh T., bà Lê Thị Gi. theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 114 ngày 13/3/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông A3. là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP E. xác định Ngân hàng TMCP E. không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

** Ngày 16/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố X. ra Quyết định số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 để phong tỏa tài sản:*

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 159, tờ bản đồ số 10, phường Kh., thành phố X., tỉnh An Giang có diện tích 48,0m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.04788mA ngày 13/06/2008 do UBND thành phố X., tỉnh An Giang cấp mang tên ông Nguyễn Huy B. và bà Huỳnh A..

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 10, phường Kh., thành phố X., tỉnh An Giang có diện tích 210,0m² theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số H.04827mA ngày 01/7/2008 do UBND thành phố X., tỉnh An Giang cấp mang tên ông Nguyễn Huy B. và bà Huỳnh A..

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố X. tuyên xử:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, Điều 232, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước H. đối với ông Nguyễn Huy B. yêu cầu trả tiền nợ vay. Ông Nguyễn Huy B. có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Phước H. số tiền 1.813.375.000 đồng (*Một tỷ tám trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), trong đó tiền vốn vay theo biên nhận ngày 23/3/2016 là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), tiền lãi tính đến ngày 01/4/2022 là 813.375.000 đồng (*Tám trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước H. đối với yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X..

- Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, quy định tại Điều 114 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được Tòa án nhân dân thành phố X. áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPBD ngày 16/3/2017 đối với tài sản bị phong tỏa là:

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 159, tờ bản đồ số 10, phường Kh., thành phố X., tỉnh An Giang có diện tích 48,0 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.04788mA ngày 13/06/2008 do Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp mang tên ông Nguyễn Huy B. và bà Huỳnh A.;

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 10, phường Kh., thành phố X., tỉnh An Giang có diện tích 210,0 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.04827mA ngày 01/7/2008 do Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp mang tên ông Nguyễn Huy B. và bà Huỳnh A..

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPBD ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X. trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2017/QĐ-BPBD ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X.. Ông Nguyễn Phước H. được nhận lại số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi (nếu có) tại Ngân hàng TMCP N.-Chi nhánh An Giang theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm 06/2017/QĐ-BPBD ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử, ngày 04/4/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Phước H. có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa Bản án 26/2022/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố X., tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPBD ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X..

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Phước H. trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của ông, hủy bản án sơ thẩm, xét xử lại hoặc sửa án, buộc ông B. trả cho ông số tiền vốn 1.000.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/3/2016 cho đến ngày xét xử và tiếp tục duy trì Quyết định số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

Luật sư Trần Tiến V. - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Phước H. trình bày quan điểm tranh luận: Ông Nguyễn Phước H. khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Huy B. có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/3/2016 cho đến ngày xét xử. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết, ông Nguyễn Huy B. và bà Huỳnh A. đã ủy quyền cho Ngân hàng TMCP E. bán tài sản, tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc Tòa án thành phố X. áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cần thiết, đúng quy định và Văn phòng đăng ký đất đai đã dừng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Mạch Thanh T., bà Lê Thị Gi. với Ngân hàng cho nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa được đăng ký biến động. Đồng thời, hợp đồng chuyển nhượng cũng chưa hoàn tất do ông T., bà Gi. vẫn còn nợ ngân hàng số tiền 350.000.000 đồng. Ngoài ra, ông B., bà Huỳnh A. chỉ ủy quyền cho ngân hàng thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứ không ủy quyền nhượng tài sản trên đất do đó tài sản trên đất hiện vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Như vậy, để đảm bảo thi hành án và đảm bảo quyền lợi cho ông H., đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X..

Bị đơn ông Nguyễn Huy B. vắng mặt, không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh A. vắng mặt không có ý kiến.

Ông Mạch Thanh T., bà Lê Thị Gi. và những người đại diện theo ủy quyền của ông T., bà Gi. đều vắng mặt, không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn A3. là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP E. trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, hợp đồng chuyển nhượng giữa ngân hàng với ông T., bà Gi. là hợp pháp nên đề nghị hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Sau khi vay tiền của ông H., ông B. bán nhà đi khỏi địa phương. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho ông B. đúng theo quy định. Xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H., buộc ông B. có nghĩa vụ trả cho ông H. tổng cộng 1.813.375.000 đồng là có căn cứ. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 của Tòa án thành phố X.. Nhận thấy, năm 2014, ông B. đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 159, diện tích 48m² và thửa 146, diện tích 210m² cho Ngân hàng E. để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Do không có khả năng thanh toán nợ nên ngày 13/12/2016 ông B. đã ký hợp đồng ủy quyền cho ngân hàng được quyền chuyển nhượng các thửa đất của ông để thu hồi nợ. Ngày 13/3/2017, ngân hàng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T., bà Gi. thửa 159, 146 và được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh An Giang. Ông T., bà Gi. đã nhận đất và chuyển cho ngân hàng 4.000.000.000 đồng, còn lại 350.000.000 đồng được thực hiện khi có biên nhận của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND thành phố X.. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T., bà Gi. với ngân hàng là ngay tình, thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông B. đối với ngân hàng. Cho nên, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông H., hủy Quyết định số 05/2017/QĐ-BPKCTT là có căn cứ. Ông H. kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước H., giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Phước H. kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Về thủ tục ủy quyền:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mạch Thanh T., bà Lê Thị Gi. ủy quyền cho:

+ Ông Hứa Hoàng Ch. đại diện theo giấy ủy quyền ngày 26/4/2019 do Văn phòng Công chứng Nhựt Quang chứng nhận số công chứng 323, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD

+ Ông Võ Đức T1. đại diện theo Hợp đồng ủy quyền ngày 30/7/2019 do Văn phòng Công chứng Nhựt Quang chứng nhận số công chứng 656, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD

- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần E. do ông Lê Văn Q. - Tổng giám đốc ngân hàng là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Đoàn Văn A3. - Giám đốc Ngân hàng TMCP E. - Chi nhánh An Giang theo Giấy ủy quyền số 256/2018/EIB/UQ-TGD, ngày 28/12/2018

Hội đồng xét xử xem xét đối với các thủ tục ủy quyền phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về áp dụng pháp luật: Tại thời điểm giữa các bên thỏa thuận có vi phạm nghĩa vụ được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng đến thời điểm xét xử thì Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Điều khoản chuyển tiếp của Bộ luật dân sự năm 2015, cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Huy B., Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.1] Về số tiền: Căn cứ Biên nhận nợ ngày 23/3/2016 thể hiện tên ông Nguyễn Huy B. ký tên do ông H. cung cấp và ông H. xác định kể từ ngày vay (ngày 23/3/2016) cho đến nay ông B. đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn vay và tiền lãi cho ông. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B., tạo điều kiện cho ông B. đến Tòa án để hòa giải, thỏa thuận và đối chiếu các khoản nợ với ông H. nhưng ông B. không đến tham dự các phiên hòa giải và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của ông H.. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B. có trách nhiệm trả tiền vốn vay cho ông H. theo quy định Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Theo biên nhận ngày 23/3/2016 thể hiện lãi suất hai bên thỏa thuận 6% là vượt quá mức lãi suất do Nhà nước quy định và nguyên

đơn ông H. yêu cầu điều chỉnh lãi suất theo quy định của Nhà nước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 tính lãi từ khi hai bên thỏa thuận vay ngày 23/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/4/2022) là 72 tháng 09 ngày với số tiền lãi là 813.375.000 đồng ($=1.000.000.000 \text{ đồng} \times 72 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} \times 1,125\%/ \text{tháng}$) là có cơ sở, đúng quy định.

[2.3] Tổng cộng số tiền vốn và lãi mà ông Nguyễn Huy B. phải có trách nhiệm trả cho ông H. số tiền là 1.813.375.000 đồng.

[2.4] Về yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X., Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù yêu cầu khởi kiện của ông H. buộc ông B. có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/3/2016 cho đến ngày xét xử, được Tòa án chấp nhận nhưng tài sản ông H. yêu cầu phong tỏa có giá trị cao hơn so với nghĩa vụ ông B. phải có trách nhiệm trả cho ông H.. Hơn nữa, tài sản này là tài sản chung của vợ chồng ông B., bà Huỳnh A. trước khi ông B. và bà Huỳnh A. ly hôn. Đồng thời, trước thời điểm ông B. vay tiền của ông H. thì tài sản này đã được ông B. và bà Huỳnh A. thống nhất ký thế chấp cho Ngân hàng TMCP E. – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2014/EIB-AG/TDDN/TCTS.01 ngày 16/7/2014 để đảm bảo cho các khoản vay. Ngoài ra, do không có khả năng thanh toán, vào ngày 13/12/2016 (trước ngày ông B. nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố X.), tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh An Giang, ông B. và bà Huỳnh A. đã cùng thống nhất đồng ý lập hợp đồng ủy quyền cho Ngân hàng TMCP E. – Chi nhánh An Giang thực hiện việc bán tài sản để đảm bảo thanh toán khoản vay.

Mục đích ông H. yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm để đảm bảo việc thi hành án, tránh việc ông B. tẩu tán tài sản. Tuy nhiên, tài sản này đã được thế chấp cho ngân hàng trước khi ông B. vay tiền của ông H. và tại thời điểm ông H. yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Ngân hàng đang thực hiện việc xóa thế chấp tài sản để nhằm ký hợp đồng chuyển nhượng giao tài sản cho ông T., bà Gi. theo hợp đồng ngày 13/12/2016 mà ngân hàng được ủy quyền chứ không phải tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông T., bà Gi. với Ngân hàng TMCP E. tại Phòng Công chứng số 1 Tỉnh An Giang chứng thực ngày 13/3/2017, số công chứng 114, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD là ngay tình, phù hợp, đúng quy định pháp luật được công nhận tiếp tục thực hiện theo quy định. Do đó, không cần thiết tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X..

[2.5] Hậu quả của việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, ông Nguyễn Phước H. được nhận lại số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi (nếu có) tại Ngân hàng TMCP N.-Chi nhánh An Giang theo Quyết định buộc

thực hiện biện pháp bảo đảm 06/2017/QĐ-BPBD ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X..

[2.6] Đối với thiệt hại do Quyết định số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X. áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Toàn là người đại diện theo ủy quyền của ông T., bà Gi. xác định chỉ yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, ông T., bà Gi. sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác nên không đặt ra xem xét.

[2.7] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước H. là có căn cứ. Nguyên đơn ông H. kháng cáo nhưng tại phiên tòa hôm nay cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H.; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông B. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước H.. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, Điều 146, Điều 148, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước H. đối với ông Nguyễn Huy B. yêu cầu trả tiền nợ vay. Ông Nguyễn Huy B. có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Phước H. số tiền 1.813.375.000 đồng (*Một tỷ tám trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), trong đó tiền vốn vay theo biên nhận ngày 23/3/2016 là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), tiền lãi tính đến ngày 01/4/2022 là 813.375.000 đồng (*Tám trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước H. đối với yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X..

3. Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, quy định tại Điều 114 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được Tòa án nhân dân thành phố X. áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ- BPKCTT ngày 16/3/2017 đối với tài sản bị phong tỏa là:

3.1. Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 159, tờ bản đồ số 10, phường Kh., thành phố X., tỉnh An Giang có diện tích 48,0 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.04788mA ngày 13/06/2008 do Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp mang tên ông Nguyễn Huy B. và bà Huỳnh A.;

3.2. Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 10, phường Kh., thành phố X., tỉnh An Giang có diện tích 210,0 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.04827mA ngày 01/7/2008 do Ủy ban nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang cấp mang tên ông Nguyễn Huy B. và bà Huỳnh A..

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ- BPKCTT ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X. trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

4. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2017/QĐ-BPBD ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X.. Ông Nguyễn Phước H. được nhận lại số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi (nếu có) tại Ngân hàng TMCP N.-Chi nhánh An Giang theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm 06/2017/QĐ-BPBD ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố X., tỉnh An Giang.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tại phiên tòa, ông Võ Đức T1. là người đại diện theo ủy quyền của ông T., bà Gi. tự nguyện nộp 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố X.. Ông T., bà Gi. đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí:

6.1. Dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Phước H. được nhận lại số tiền 21.000.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010635 ngày 20/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X..

- Ông Nguyễn Huy B. phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 66.401.250 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm lẻ một nghìn hai trăm năm mươi đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X..

6.2. Dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Phước H. phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001169 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “Đề thi hành”;
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng